

CĂN BẢN PHẬT HỌC

I. Lớp 1: *Bối Cảnh và Lịch Sử Kinh Tạng*

- Bối cảnh thời đại của đức Phật.
 - Giai Cấp (Caste system)
 - Lễ Nghi Tôn Giáo (Ritualistic practices)
 - Ảnh hưởng Ấn độ giáo (Hinduism)
- Con Đường Chuyển Hoá của Phật. (The path of transformation)
 - Bất toại nguyện (unsatisfactory-ness)
 - Khổ khổ (pain of pain)
 - Hoại khổ (pain of change)
 - Hành khổ (pain of existence)
 - Is everything suffering?
- Giáo Lý Truyền Thừa. (Transmission of the Teachings)
 - Phật giáo Nguyên Thủy (Original Buddhism)
 - Phật giáo Bộ Phái (Many Schools Buddhism)
 - Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism)
- Phật giáo Nguyên Thủy (Nam Tông) và Phật giáo Phát Triển (Bắc Tông).
 - Nguyên do của sự khác biệt (Reasons for the differences)
 - Những yếu tố khác biệt (The main differences between the two)
- Tam tạng: kinh, luật và luận (The Three Baskets)
 - Kinh điển của Nam Tông (Pali language)
 - Bộ Kinh (Nikaya)
 - A Hàm Kinh (Hán tạng)
 - Tính cách khoa học và lý luận (scientific and logic)
 - Kinh điển của Bắc Tông (Sanskrit language)
 - Hán Tạng
 - Tính cách nghệ thuật và trực giác (art and intuition)
- Kiết Tập Kinh Điển (The Four Councils)

II. Lớp 2: *Phương Pháp Học Phật*

- Trung Đạo - (The Middle Path)
- Nhị đế - (The Two Truths)
 - Chân đế (The Absolute Truth)
 - Thế tục đế (The conventional truth)
- Tứ tất đàn (The Four Standards of Truth)
 - thế giới tất đàn (The Worldly)
 - vị nhân tất đàn (The Person)
 - đối trị tất đàn (Healing)
 - đệ nhất nghĩa tất đàn (The Absolute)
- Bốn Điều Y Cứ (The Four Reliances)
 - y pháp bất y nhân (Rely on the teaching not the person)
 - y liễu nghĩa kinh (Rely on the absolute truth)
 - y nghĩa bất y ngữ (Rely on the meaning not the words)
 - y trí bất y thức (Rely on the insight not the knowledge)
- Phương tiện và Cứu cánh (Means and goal)
- Chuyển hóa khổ đau (The Path of Transformation)

III. Lớp 3: *Giáo Lý Căn Bản I*

- Bài kinh chuyển pháp luân và tứ diệu đế (The Four Noble Truths)
- Ngũ uẩn và vô ngã (The Five Aggregates and no-self)
 - Sắc (Form)
 - Thọ (Feelings)
 - Tưởng (Perceptions)
 - Hành (Mental Formations)
 - Thức (Consciousness)
- Lý Nhân Duyên và Không
- Tam Pháp Ấn (The Three Dharma Seals)
 - Vô thường (Impermanence)
 - Vô Ngã (nonself)
 - Niết Bàn (Nivana)
- Tam Học (The Threefold Training)
 - Giới (Precepts)
 - Định (Concentration)
 - Huệ (Insight)

III. Lớp 4: *Giáo Lý Căn Bản II*

- Nhân quả và nghiệp
- Luân hồi
- Niết bàn
- Lục Độ (The Six Paramitas)
 - Bố thí (Giving)
 - Trì giới (Mindfulness Training)
 - Nhẫn nhục (Inclusiveness)
 - Tinh tấn (Diligence)
 - Thiền định (Meditation)
 - Trí tuệ (Understanding)